

UBND HUYỆN GIA LÂM
TRƯỜNG MN DƯƠNG XÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06./QĐ-MNDX

Gia Lâm, ngày 3 tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách Quý 4 năm 2019
của Trường MN Dương Xá

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MN DƯƠNG XÁ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 10568/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2019 của UBND huyện Gia Lâm về việc giao chỉ tiêu KHKT – XH và dự toán thu chi ngân sách năm 2019;

Xét đề nghị của bộ phận Tài vụ Trường MN Dương Xá

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách quý 4 năm 2019 của Trường MN Dương Xá (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận Tài vụ, các tổ chuyên môn, cán bộ, giáo viên, nhân viên Trường Trường MN Dương Xá thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hà

TRƯỜNG MN DƯƠNG XÁ

Mẫu số 03

(Ban hành kèm theo TT số 61/2017/TT-BTC
ngày 15/6/2017 của BTC)

Chương: 622

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ IV NĂM 2019

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý IV năm 2019	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ	2,048,700,000	547,261,000		
1	Số thu phí, lệ phí	2,048,700,000	547,261,000	27%	
1	Học phí	472,500,000	146,517,500	31%	
2	Thu sự nghiệp khác	1,576,200,000	400,743,500	25%	
	Thu chăm sóc bán trú	945,000,000	248,250,000	26%	
	Thu trông giữ ngày thứ 7	421,200,000	149,193,500	35%	
	Thu học phẩm	105,000,000	1,650,000	2%	
	Thu TTB PVBT	105,000,000	1,650,000	2%	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	2,048,700,000	912,937,111	45%	
2.1	Chi từ học phí	472,500,000	196,154,883	42%	
6000	Tiền lương	189,000,000	9,808,757	5%	
6300	Các khoản đóng góp		68,714,243		
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	0			
6550	Công cụ dụng cụ văn phòng	0	21,390,500		
6600	Thông tin TTLL	0			
6650	Hội nghị, khai giảng, 20/11, sơ kết, tổng kết.....	77,000,000			
6700	Công tác phí		4,600,000		
6750	Chi phí thuê mướn		30,000,000		
6900	Sửa chữa, duy tu tại sân phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng		11,814,000		
7000	Chi nghiệp vụ chuyên môn	206,500,000	49,827,383		
7050	Mua sắm sửa chữa tài sản	0			
2.2	Chi từ hoạt động SN khác	1,576,200,000	716,782,228	45%	
	Chi chăm sóc bán trú	945,000,000	332,550,000	35%	
6400	Các khoản TT khác cho cá nhân	945,000,000	332,550,000	35%	
	Chi trông giữ ngày thứ 7	421,200,000	207,157,228		
6400	Các khoản TT khác cho cá nhân	366,960,000	165,735,000	45%	
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng		17,700,501		
6600	Thanh toán thông tin tuyên truyền, liên lạc	0	1,052,410		
7000	Chi nghiệp vụ chuyên môn	54,240,000	22,669,317	41.8%	
	Chi học phẩm	105,000,000	85,650,000	81.6%	

7000	Chi nghiệp vụ chuyên môn	105,000,000	85,650,000	81.6%
	Chi TTB PVBT	105,000,000	91,425,000	87.1%
6900	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng		4,070,000	
7000	Chi nghiệp vụ chuyên môn	105,000,000	87,355,000	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	0		
3.1	Lệ phí	0		
3.2	Sự nghiệp khác	0		
II	DỰ TOÁN CHI NSNN	6,039,000,000	1,691,264,857	28%
1	Chi quản lý hành chính	6,039,000,000	1,691,264,857	28%
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	5,333,000,000	1,112,283,737	21%
	KP tiết kiệm 10% CCTL	132,000,000		
	Chi thanh toán cá nhân	3,626,572,581	1,109,983,737	31%
	Thanh toán dịch vụ công cộng	324,000,000		
	Công cụ, dụng cụ văn phòng	180,000,000		
	Thông tin TTLL	13,116,000		
	Thanh toán công tác phí	43,800,000	2,300,000	5%
	Chi phí thuê mướn	30,000,000		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	386,400,934		
	Chi mua sắm, sửa chữa lớn	313,000,000		
	Chi khác	284,110,485		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	706,000,000	578,981,120	82%
	Chi thanh toán cá nhân	241,000,000	77,614,750	32%
	Thanh toán dịch vụ công cộng		44,354,000	
	Chi phí thuê mướn		64,238,000	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	465,000,000	392,774,370	84%

Ngày 3 tháng 1 năm 2020
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Thị Hà